

Số: /2026/TT-BXD

Hà Nội, ngày tháng 5 năm 2026

THÔNG TƯ**Quy định danh mục nhiệm vụ, hoạt động, định mức khoán chi xây dựng Thông tư, Thông tư liên tịch và một số nội dung quản lý kinh phí xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Bộ Xây dựng**

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 197/2025/QH15 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 289/2025/NĐ-CP của Chính phủ hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 197/2025/QH15 ngày 17 tháng 5 năm 2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 33/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành Thông tư quy định danh mục nhiệm vụ, hoạt động, định mức khoán chi xây dựng Thông tư, Thông tư liên tịch và một số nội dung quản lý kinh phí xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Bộ Xây dựng.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Thông tư này quy định:

- Danh mục nhiệm vụ, hoạt động và định mức khoán chi đối với hoạt động xây dựng Thông tư, Thông tư liên tịch do Bộ Xây dựng chủ trì xây dựng, ban hành;
- Thẩm quyền quyết định, điều chỉnh nội dung chi, định mức chi cụ thể đối với từng nhiệm vụ, hoạt động xây dựng văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền của Bộ Xây dựng;
- Thù lao, thuê khoán và sử dụng chuyên gia, tổ chức tư vấn trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền của Bộ Xây dựng.

2. Danh mục nhiệm vụ, hoạt động và định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động đối với xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật không thuộc quy định tại điểm a khoản 1 Điều này và định mức khoán chi đối với kiểm tra, rà soát, hợp nhất, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật, pháp điển hệ thống quy phạm pháp luật được thực hiện theo quy định của Nghị định số 289/2025/NĐ-CP của Chính phủ hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 197/2025/QH15 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật (sau đây gọi là Nghị định số 289/2025/NĐ-CP).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với:

1. Các đơn vị thuộc Bộ Xây dựng được phân công thực hiện nhiệm vụ, hoạt động xây dựng văn bản quy phạm pháp luật;
2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan trong việc thực hiện nhiệm vụ, hoạt động của các đơn vị quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 3. Nguyên tắc thực hiện

Bảo đảm tuân thủ đúng, đầy đủ nguyên tắc áp dụng cơ chế, chính sách đặc biệt quy định tại Điều 3 của Nghị quyết số 197/2025/QH15 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật (sau đây gọi là Nghị quyết số 197/2025/QH15) và Điều 2 của Nghị định số 289/2025/NĐ-CP.

Chương II

DANH MỤC NHIỆM VỤ, HOẠT ĐỘNG, ĐỊNH MỨC KHOÁN CHI; THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH NỘI DUNG CHI, ĐIỀU CHỈNH NỘI DUNG CHI, ĐỊNH MỨC CHI; THÙ LAO, THUÊ KHOÁN VÀ SỬ DỤNG CHUYÊN GIA, TỔ CHỨC TƯ VẤN TRONG XÂY DỰNG VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

Điều 4. Danh mục nhiệm vụ, hoạt động và định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động xây dựng Thông tư, Thông tư liên tịch

1. Danh mục nhiệm vụ, hoạt động và định mức khoán chi tối đa cho từng nhiệm vụ, hoạt động xây dựng Thông tư, Thông tư liên tịch được thực hiện theo Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Định mức khoán chi quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này được xác định như sau:

a) Trường hợp Thông tư, Thông tư liên tịch do 01 đơn vị chủ trì soạn thảo đồng thời tham mưu trình, định mức khoán chi áp dụng theo quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Trường hợp Thông tư, Thông tư liên tịch có sự tham gia của đơn vị chủ

trì soạn thảo và đơn vị tham mưu trình, định mức khoán chi được phân bổ theo tỷ lệ: 70% cho đơn vị chủ trì soạn thảo, 30% cho đơn vị tham mưu trình trên tổng định mức kinh phí được phân bổ theo quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này (không bao gồm định mức chi cho nhiệm vụ thẩm định, lấy ý kiến cơ quan của Đảng và định mức chi cho các hoạt động hỗ trợ công tác xây dựng Thông tư, Thông tư liên tịch). Trường hợp có nhiều đơn vị cùng được giao soạn thảo, việc phân bổ định mức khoán chi cho các đơn vị thực hiện theo quy định tại điểm c khoản này;

c) Trường hợp Thông tư, Thông tư liên tịch có nhiều đơn vị cùng được giao soạn thảo, căn cứ tính chất, mức độ phức tạp, khối lượng công việc, người đứng đầu đơn vị chủ trì soạn thảo quyết định phân bổ cụ thể định mức khoán chi; thực hiện thanh quyết toán cho các đơn vị cùng được giao soạn thảo;

d) Đối với Thông tư liên tịch do Bộ Xây dựng chủ trì soạn thảo, tỷ lệ phân bổ quy định tại các điểm a, b, c khoản này được tính trên số kinh phí còn lại sau khi đã trừ định mức khoán chi cho cơ quan liên tịch theo quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này. Căn cứ văn bản phối hợp, cơ quan liên tịch, đơn vị chủ trì soạn thảo trình cấp có thẩm quyền thực hiện phân bổ, phê duyệt dự toán ngân sách theo quy định tại Mục B của Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này để xây dựng, ban hành Thông tư liên tịch.

3. Đối với Thông tư, Thông tư liên tịch thường xuyên được sửa đổi do tính chất đặc thù của lĩnh vực hoặc để đáp ứng kịp thời sự biến động của thực tiễn, người đứng đầu đơn vị chủ trì soạn thảo có trách nhiệm căn cứ vào phạm vi, mức độ sửa đổi để xác định định mức khoán chi cho phù hợp. Việc quyết định định mức khoán chi phải phù hợp với khối lượng, nội dung sửa đổi, đảm bảo tập trung nguồn lực giải quyết các nội dung phức tạp, có tác động lớn đến kinh tế - xã hội.

4. Trường hợp việc xây dựng Thông tư ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, định mức kinh tế - kỹ thuật được phân bổ kinh phí từ nguồn khoa học và công nghệ, nguồn sự nghiệp kinh tế hoặc các nguồn khác theo quy định của pháp luật, định mức khoán chi cho các nhiệm vụ, hoạt động theo quy định của Thông tư này chỉ áp dụng đối với nhiệm vụ thẩm định và hoạt động hỗ trợ công tác xây dựng Thông tư.

Điều 5. Thẩm quyền quyết định, điều chỉnh nội dung chi, định mức chi cụ thể cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật

1. Người đứng đầu đơn vị được giao nhiệm vụ chủ trì soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật quyết định, điều chỉnh nội dung chi, định mức chi cụ thể đảm bảo tương xứng với mức độ quan trọng, phức tạp của từng nhiệm vụ, hoạt động, trình tự, thủ tục xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và đáp ứng đầy đủ nhu cầu thực tế phát sinh.

2. Việc quyết định, điều chỉnh nội dung chi, định mức chi không vượt quá

tổng mức chi cho nhiệm vụ, hoạt động quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết số 197/2025/QH15 và mức cao nhất của khung định mức chi theo từng nhiệm vụ, hoạt động tương ứng quy định tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 289/2025/NĐ-CP, Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này; tuân thủ các quy định về giám sát, thanh tra, kiểm tra, kiểm toán.

Điều 6. Thù lao, thuê khoán và sử dụng chuyên gia, tổ chức tư vấn trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật

1. Người đứng đầu đơn vị chủ trì soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật được:

a) Quyết định áp dụng thù lao, thuê khoán trong thực hiện nhiệm vụ, hoạt động quy định tại các Điều 3, Điều 4 và Điều 5 Nghị định số 289/2025/NĐ-CP;

b) Sử dụng, lựa chọn chuyên gia, tổ chức tư vấn để hỗ trợ, nâng cao chất lượng thực hiện nhiệm vụ, hoạt động;

c) Quyết định mức thù lao, thuê khoán, cách thức hợp tác theo phương thức đặt hàng, giao nhiệm vụ hoặc phương thức khác phù hợp với quy định của pháp luật về đấu thầu đối với việc thuê khoán, sử dụng chuyên gia, tổ chức tư vấn trong phạm vi dự toán được giao.

2. Trong trường hợp pháp luật liên quan không có quy định khác, người đứng đầu đơn vị chủ trì soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật có trách nhiệm:

a) Xây dựng tiêu chí xác định chuyên gia, tổ chức tư vấn phù hợp với nội dung, lĩnh vực, phạm vi quản lý của đơn vị;

b) Đánh giá, chịu trách nhiệm về kết quả đánh giá, nghiệm thu sản phẩm hoàn thành của nhiệm vụ, hoạt động.

Chương III
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 7. Trách nhiệm của các đơn vị thuộc Bộ Xây dựng

1. Đơn vị chủ trì soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật

a) Chịu trách nhiệm về sản phẩm, hồ sơ, tài liệu làm căn cứ thanh toán và quyết toán kinh phí trong phạm vi nhiệm vụ được giao;

b) Lập dự toán, thanh quyết toán cho đơn vị mình, đơn vị thẩm định, đơn vị cùng được giao soạn thảo, đơn vị tham mưu trình (nếu có) và các đơn vị khác có liên quan theo đúng định mức khoán chi quy định tại Nghị định số 289/2025/NĐ-CP và Thông tư này;

c) Sử dụng kinh phí đúng mục đích, chế độ; bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, công khai, minh bạch;

d) Xây dựng Quy chế quản lý kinh phí đối với hoạt động xây dựng văn bản

quy phạm pháp luật, trừ các đơn vị thuộc đối tượng được điều chỉnh trong Quy chế quản lý kinh phí xây dựng văn bản quy phạm pháp luật quy định tại điểm c khoản 5 Điều này.

2. Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ được giao chủ trì soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật

a) Chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng và pháp luật về tính hợp pháp, hợp lệ của việc quyết định định mức khoán chi, chi trả thù lao, thuê khoán chuyên gia, tổ chức tư vấn thực hiện nhiệm vụ, hoạt động và các hoạt động tổ chức sử dụng kinh phí tại đơn vị;

b) Chịu trách nhiệm về quản lý, sử dụng, thanh quyết toán kinh phí đảm bảo chi đúng định mức quy định, tiết kiệm, hiệu quả, công khai, minh bạch, tránh lãng phí.

3. Vụ Pháp chế tham mưu, trình Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành dự kiến chương trình, kế hoạch xây dựng văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền của Bộ Xây dựng để các đơn vị thực hiện việc lập, phân bổ, điều chỉnh, bổ sung ngân sách theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

4. Vụ Kế hoạch - Tài chính căn cứ pháp luật về ngân sách nhà nước, quy định tại Nghị quyết số 197/2025/QH15, Nghị định số 289/2025/NĐ-CP và Thông tư này, hướng dẫn lập kế hoạch dự toán ngân sách, thực hiện tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền phân bổ và giao dự toán ngân sách nhà nước kịp thời; bảo đảm nguồn lực triển khai công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền của Bộ Xây dựng.

5. Văn phòng Bộ

a) Tổng hợp dự toán kinh phí xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của các Vụ, Văn phòng Bộ được Bộ trưởng Bộ Xây dựng phân công chủ trì soạn thảo;

Các Vụ được giao chủ trì soạn thảo có trách nhiệm gửi dự toán kinh phí xây dựng văn bản quy phạm pháp luật được cấp có thẩm quyền phê duyệt về Văn phòng Bộ để tổng hợp.

b) Tổ chức quản lý, thanh quyết toán theo quy định đối với kinh phí xây dựng văn bản quy phạm pháp luật giao Văn phòng Bộ quản lý;

c) Xây dựng Quy chế quản lý kinh phí đối với hoạt động xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Văn phòng Bộ và các Vụ thuộc Bộ.

6. Đơn vị thuộc Bộ tham gia quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật có trách nhiệm cung cấp đầy đủ sản phẩm, hồ sơ, tài liệu cho đơn vị chủ trì soạn thảo để làm căn cứ thanh toán, quyết toán kinh phí.

Điều 8. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 7 năm 2026.

2. Các nhiệm vụ, hoạt động xây dựng văn bản quy phạm pháp luật được cấp có thẩm quyền phê duyệt dự toán trước thời điểm Thông tư này có hiệu lực thì được tiếp tục tổ chức thực hiện nhiệm vụ và thanh quyết toán theo dự toán được phê duyệt.

3. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật nêu tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương Đảng và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Quốc hội;
- Hội đồng Dân tộc;
- Ủy ban Kinh tế và Tài chính;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- Cục KTVB&TCTHPL (Bộ TP);
- Công báo; Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Cổng Thông tin điện tử Bộ Xây dựng;
- Bộ Xây dựng: Bộ trưởng, các Thứ trưởng, các đơn vị thuộc Bộ;
- Lưu: VT, PC (2).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Văn Sinh

PHỤ LỤC

Danh mục nhiệm vụ, hoạt động và định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động xây dựng Thông tư, Thông tư liên tịch

(Ban hành kèm theo Thông tư số: /2026/TT-BXD ngày tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

Mục A. Thông tư thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Xây dựng

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nhiệm vụ, hoạt động	Định mức	Sản phẩm, tài liệu phục vụ thanh quyết toán	Phương pháp tính ¹
I	Xây dựng, ban hành Thông tư mới hoặc thay thế	Tối đa 350		
1	Soạn thảo, hoàn thiện dự thảo Thông tư	Tối đa 280		
1.1	Xây dựng hồ sơ dự thảo Thông tư, tổ chức soạn thảo Thông tư			
1.1.1	Tổng kết thi hành hoặc đánh giá thực trạng quan hệ xã hội	Tối đa 20	Báo cáo tổng kết việc thi hành pháp luật, báo cáo đánh giá thực trạng quan hệ xã hội hoặc báo cáo kết quả điều tra, khảo sát thực tế, báo cáo kết quả hội thảo, hội nghị tổng kết thi hành, đánh giá thực trạng quan hệ xã hội	

¹ Đối với các nhiệm vụ, hoạt động tại mục “1” không quy định số tiền cụ thể, người đứng đầu đơn vị chủ trì soạn thảo, căn cứ vào tính chất, mức độ phức tạp, khối lượng công việc quyết định mức chi cụ thể, đảm bảo không vượt quá tổng mức khoán chi cho các nhiệm vụ, hoạt động xây dựng Thông tư, Thông tư liên tịch;

Đối với các nhiệm vụ, hoạt động không có phương pháp tính, không quy định mức chi, người đứng đầu đơn vị chủ trì soạn thảo quyết định trên cơ sở cân đối các mục chi đảm bảo không vượt quá mức tối đa cho từng nhiệm vụ, hoạt động và tổng định mức tối đa cho từng loại Thông tư, Thông tư liên tịch;

Trường hợp có sự tham gia của đơn vị tham mưu trình thì định mức khoán chi cho từng sản phẩm, hoạt động được phân định theo từng giai đoạn và do người đứng đầu đơn vị chủ trì soạn thảo quyết định nhưng không vượt quá tỷ lệ chi cho đơn vị tham mưu trình quy định tại điểm b khoản 2 Điều 4 của Thông tư.

STT	Nhiệm vụ, hoạt động	Định mức	Sản phẩm, tài liệu phục vụ thanh quyết toán	Phương pháp tính ¹
1.1.2	Thuê chuyên gia, tổ chức tư vấn (nếu có)	Tối đa 10% tổng mức chi của điểm 1	Hợp đồng, báo cáo của chuyên gia, tổ chức tư vấn hoặc kết quả khác theo thỏa thuận tại hợp đồng	
1.1.3	Tham gia ý kiến dự thảo Thông tư (các đơn vị thuộc Bộ tham gia ý kiến)	Từ 1 - 5	Văn bản lấy ý kiến; văn bản tham gia ý kiến; danh sách cá nhân thụ hưởng gồm số căn cước hoặc số căn cước công dân và số tài khoản ngân hàng được đơn vị lập ký xác nhận	Định mức chi được tính theo từng lần lấy ý kiến bằng văn bản
1.1.4	Tổ chức họp		Giấy mời họp, danh sách họp có chữ ký của người tham gia họp được đơn vị lập ký xác nhận	
1.1.5	Soạn thảo hồ sơ dự thảo Thông tư		Hợp đồng hoặc văn bản giao nhiệm vụ kèm theo Tờ trình, dự thảo Thông tư, các thành phần hồ sơ khác (nếu có)	
1.1.6	Rà soát, chỉnh lý, hoàn thiện hồ sơ dự thảo Thông tư	Từ 5 - 10	Hợp đồng hoặc văn bản giao nhiệm vụ kèm theo danh mục các văn bản được chỉnh lý	
1.1.7	Truyền thông dự thảo Thông tư	Từ 5 - 10	Hợp đồng hoặc văn bản giao nhiệm vụ; ấn phẩm truyền thông dạng in hoặc ấn phẩm truyền thông trên môi trường điện tử	
1.2	Lấy ý kiến cơ quan có thẩm quyền của Đảng			
1.2.1	Rà soát hồ sơ lấy ý kiến Ban Thường vụ Đảng ủy	1	Phiếu lấy ý kiến	Định mức tính cho 01 dự thảo Thông tư (không tính cho từng lần lấy ý kiến)

STT	Nhiệm vụ, hoạt động	Định mức	Sản phẩm, tài liệu phục vụ thanh quyết toán	Phương pháp tính ¹
1.2.2	Thành viên Ban Thường vụ Đảng ủy cho ý kiến	3/01 thành viên	Thông báo kết luận, danh sách thành viên Ban Thường vụ Đảng ủy	Định mức tính cho 01 dự thảo Thông tư (không tính cho từng lần lấy ý kiến); không áp dụng định mức này cho các cá nhân đã được thanh toán tại điểm 3.1, 3.2 của Phần I Mục này
2	Thẩm định dự thảo Thông tư	Tối đa 42		
2.1	Ý kiến thành viên Hội đồng thẩm định, thành viên tham gia họp thẩm định hoặc văn bản ghi nhận ý kiến thẩm định (nếu có)	0,5/01 thành viên	Danh sách họp kèm theo biên bản họp (hoặc văn bản ghi nhận ý kiến thẩm định); danh sách cá nhân thụ hưởng gồm số căn cước hoặc số căn cước công dân và số tài khoản ngân hàng được đơn vị chủ trì thẩm định ký xác nhận	
2.2	Xây dựng, phát hành báo cáo thẩm định dự thảo Thông tư		Văn bản giao nhiệm vụ, báo cáo thẩm định	Mức chi = mức chi tối đa của điểm 2 - (trừ) mức chi tại điểm 2.1 của Phần I Mục này (nếu có)
3	Các hoạt động hỗ trợ công tác xây dựng Thông tư	Tối đa 28		
3.1	Bộ trưởng	7	Thông tư được ký ban hành hoặc bút phê giao Thứ trưởng phụ trách ký ban hành Thông tư	
3.2	Thứ trưởng phụ trách	7	Bút phê cho phép trình Bộ trưởng ký ban hành hoặc Thông tư được ký ban hành (trường hợp Bộ trưởng ủy quyền Thứ trưởng phụ trách ký ban hành)	

STT	Nhiệm vụ, hoạt động	Định mức	Sản phẩm, tài liệu phục vụ thanh quyết toán	Phương pháp tính ¹
3.3	Rà soát trình Lãnh đạo Bộ ký ban hành	1	Phiếu trình	
3.4	Phát hành Thông tư	1	Thông tư được đăng tải trên Công báo	
3.5	Đăng tải hồ sơ dự thảo Thông tư lấy ý kiến trên Cổng thông tin điện tử Bộ Xây dựng	1	Văn bản thông báo về kết quả đăng tải	Định mức tính cho 01 dự thảo Thông tư (không tính cho từng lần đăng tải)
3.6	Đăng tải báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý dự thảo Thông tư trên Cổng thông tin điện tử Bộ Xây dựng	1	Văn bản thông báo về việc đăng tải	Định mức tính cho 01 dự thảo Thông tư (không tính cho từng lần đăng tải)
3.7	Đăng tải truyền thông chính sách Cổng thông tin điện tử Bộ Xây dựng	1	Văn bản thông báo về việc đăng tải	Định mức tính cho 01 dự thảo Thông tư (không tính cho từng lần đăng tải)
3.8	Tổng hợp dự toán, báo cáo cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí xây dựng Thông tư	1	Dự toán kinh phí	
3.9	Tổng hợp, giao dự toán kinh phí xây dựng Thông tư	1	Quyết định giao dự toán ngân sách nhà nước	
3.10	Các hoạt động khác để hoàn thiện dự thảo Thông tư	7	Hóa đơn, chứng từ, hợp đồng (nếu có)	
II	Xây dựng, ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung	Tối đa 210		
1	Soạn thảo, hoàn thiện Thông tư	Tối đa 170		
1.1	Xây dựng hồ sơ dự thảo Thông tư, tổ chức soạn thảo Thông tư			
1.1.1	Tổng kết thi hành hoặc đánh giá thực trạng quan hệ xã hội	Tối đa 20	Báo cáo tổng kết việc thi hành pháp luật, báo cáo đánh giá thực trạng quan hệ xã hội hoặc báo cáo kết quả điều tra, khảo	

STT	Nhiệm vụ, hoạt động	Định mức	Sản phẩm, tài liệu phục vụ thanh quyết toán	Phương pháp tính ¹
			sát thực tế, báo cáo kết quả hội thảo, hội nghị tổng kết thi hành, đánh giá thực trạng quan hệ xã hội	
1.1.2	Thuê chuyên gia, tổ chức tư vấn (nếu có)	Tối đa 10% tổng mức chi của điểm 1	Hợp đồng, báo cáo của chuyên gia, tổ chức tư vấn hoặc kết quả khác theo thỏa thuận tại hợp đồng	
1.1.3	Tham gia ý kiến dự thảo Thông tư (các đơn vị thuộc Bộ tham gia ý kiến)	Từ 1 - 3	Văn bản lấy ý kiến; văn bản tham gia ý kiến, danh sách cá nhân thụ hưởng gồm số căn cước hoặc số căn cước công dân và số tài khoản ngân hàng được đơn vị lập xác nhận	Định mức chi được tính theo từng lần lấy ý kiến bằng văn bản
1.1.4	Tổ chức họp		Giấy mời họp, danh sách họp có chữ ký của người tham gia họp được đơn vị lập ký xác nhận	
1.1.5	Soạn thảo hồ sơ dự thảo Thông tư		Hợp đồng hoặc văn bản giao nhiệm vụ kèm theo Tờ trình, dự thảo Thông tư, các thành phần hồ sơ khác (nếu có)	
1.1.6	Rà soát, chỉnh lý, hoàn thiện hồ sơ dự thảo Thông tư	Từ 1 - 5	Văn bản giao nhiệm vụ kèm theo danh mục các văn bản chỉnh lý	
1.1.7	Truyền thông dự thảo Thông tư	Từ 2 - 10	Hợp đồng hoặc văn bản giao nhiệm vụ; ấn phẩm truyền thông dạng in hoặc ấn phẩm truyền thông trên môi trường điện tử	
1.2	Lấy ý kiến cơ quan có thẩm quyền của Đảng			

STT	Nhiệm vụ, hoạt động	Định mức	Sản phẩm, tài liệu phục vụ thanh quyết toán	Phương pháp tính ¹
1.2.1	Rà soát hồ sơ lấy ý kiến Ban Thường vụ Đảng ủy	0,5	Phiếu lấy ý kiến	Định mức tính cho 01 dự thảo Thông tư (không tính cho từng lần lấy ý kiến)
1.2.2	Thành viên Ban Thường vụ Đảng ủy cho ý kiến	2/01 thành viên	Thông báo kết luận, danh sách thành viên Ban Thường vụ Đảng ủy	Định mức tính cho 01 dự thảo Thông tư (không tính cho từng lần lấy ý kiến); không áp dụng định mức này cho các cá nhân đã được thanh toán tại điểm 3.1, 3.2 của Phần II Mục này
2	Thẩm định dự thảo Thông tư	Tối đa 25		
2.1	Ý kiến thành viên Hội đồng thẩm định, thành viên tham gia họp thẩm định hoặc văn bản ghi nhận ý kiến thẩm định (nếu có)	0,5/01 thành viên	Danh sách họp, biên bản họp (hoặc văn bản ghi nhận ý kiến thẩm định); danh sách cá nhân thụ hưởng gồm số căn cước hoặc số căn cước công dân và số tài khoản ngân hàng được đơn vị chủ trì thẩm định ký xác nhận	
2.2	Xây dựng báo cáo thẩm định dự thảo Thông tư		Văn bản giao nhiệm vụ, báo cáo thẩm định	Mức chi = mức chi tối đa của điểm 2 - (trừ) mức chi tại điểm 2.1 của Phần II Mục này (nếu có)
3	Các hoạt động hỗ trợ công tác xây dựng Thông tư	Tối đa 15		
3.1	Bộ trưởng	4	Thông tư được ký ban hành hoặc bút phê giao Thứ trưởng phụ trách ký ban hành Thông tư	
3.2	Thứ trưởng phụ trách	4	Bút phê cho phép trình Bộ trưởng ký ban hành hoặc Thông tư được ký ban hành	

STT	Nhiệm vụ, hoạt động	Định mức	Sản phẩm, tài liệu phục vụ thanh quyết toán	Phương pháp tính ¹
			(trường hợp Bộ trưởng ủy quyền Thứ trưởng phụ trách ký ban hành)	
3.3	Rà soát trình Lãnh đạo Bộ ký ban hành	1	Phiếu trình	
3.4	Phát hành Thông tư	0,5	Thông tư được đăng tải trên Công báo	
3.5	Đăng tải hồ sơ dự thảo Thông tư để lấy ý kiến trên Cổng thông tin điện tử Bộ Xây dựng	0,5	Văn bản thông báo về kết quả đăng tải	Định mức tính cho 01 dự thảo Thông tư (không tính cho từng lần đăng tải)
3.6	Đăng tải báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý dự thảo Thông tư trên Cổng thông tin điện tử Bộ Xây dựng	0,5	Văn bản thông báo về việc đăng tải	Định mức tính cho 01 dự thảo Thông tư (không tính cho từng lần đăng tải)
3.7	Đăng tải truyền thông chính sách trên Cổng thông tin điện tử Bộ Xây dựng	0,5	Văn bản thông báo về việc đăng tải	Định mức tính cho 01 dự thảo Thông tư (không tính cho từng lần đăng tải)
3.8	Tổng hợp dự toán, báo cáo cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí xây dựng dự thảo Thông tư	1	Dự toán kinh phí	
3.9	Tổng hợp, giao dự toán kinh phí xây dựng dự thảo Thông tư	1	Quyết định giao dự toán ngân sách nhà nước	
3.10	Các hoạt động khác để hoàn thiện dự thảo Thông tư	2	Hóa đơn, chứng từ, hợp đồng (nếu có)	
III	Xây dựng, ban hành Thông tư bãi bỏ	Tối đa 105		
1	Soạn thảo, hoàn thiện Thông tư	Tối đa 80		
1.1	Xây dựng hồ sơ dự thảo Thông tư, tổ chức soạn thảo Thông tư			

STT	Nhiệm vụ, hoạt động	Định mức	Sản phẩm, tài liệu phục vụ thanh quyết toán	Phương pháp tính ¹
1.1.1	Tham gia ý kiến dự thảo Thông tư	0,5	Văn bản lấy ý kiến; văn bản tham gia ý kiến, danh sách cá nhân thụ hưởng gồm số căn cước hoặc số căn cước công dân và số tài khoản ngân hàng được đơn vị lập xác nhận	Định mức chi được tính theo từng lần lấy ý kiến bằng văn bản
1.1.2	Tổ chức họp		Giấy mời họp, danh sách họp có chữ ký của người tham gia họp được đơn vị lập ký xác nhận	
1.1.3	Soạn thảo hồ sơ dự thảo Thông tư		Hợp đồng hoặc văn bản giao nhiệm vụ kèm theo Tờ trình, dự thảo Thông tư, các thành phần hồ sơ khác (nếu có)	
1.1.4	Rà soát, chỉnh lý, hoàn thiện hồ sơ dự thảo Thông tư	Từ 1 - 3	Hợp đồng hoặc văn bản giao nhiệm vụ kèm theo danh mục các văn bản được chỉnh lý	
1.1.5	Truyền thông dự thảo Thông tư	Từ 2 - 10	Hợp đồng hoặc văn bản giao nhiệm vụ; ấn phẩm truyền thông dạng in hoặc ấn phẩm truyền thông trên môi trường điện tử	
1.2	Lấy ý kiến cơ quan có thẩm quyền của Đảng			
1.2.1	Rà soát hồ sơ lấy ý kiến Ban Thường vụ Đảng ủy	0,5	Phiếu lấy ý kiến	Định mức tính cho 01 dự thảo Thông tư (không tính cho từng lần lấy ý kiến)
1.2.2	Thành viên Ban Thường vụ Đảng ủy cho ý kiến	02/01 thành viên	Thông báo kết luận, danh sách thành viên Ban Thường vụ Đảng ủy	Định mức tính cho 01 dự thảo Thông tư (không tính cho từng lần lấy ý kiến); không áp dụng định mức này cho các cá nhân

STT	Nhiệm vụ, hoạt động	Định mức	Sản phẩm, tài liệu phục vụ thanh quyết toán	Phương pháp tính ¹
				đã được thanh toán tại điểm 3.1, 3.2 của Phần III Mục này
2	Thẩm định dự thảo Thông tư	Tối đa 12		
2.1	Ý kiến thành viên Hội đồng thẩm định, thành viên tham gia họp thẩm định hoặc văn bản ghi nhận ý kiến thẩm định (nếu có)	0,3	Danh sách họp, biên bản họp (hoặc văn bản ghi nhận ý kiến thẩm định); danh sách cá nhân thụ hưởng gồm số căn cước hoặc số căn cước công dân và số tài khoản ngân hàng được đơn vị chủ trì thẩm định ký xác nhận	
2.2	Xây dựng báo cáo thẩm định dự thảo Thông tư		Văn bản giao nhiệm vụ, báo cáo thẩm định	Mức chi = mức chi tối đa của điểm 2 - (trừ) mức chi tại điểm 2.1 của Phần III Mục này (nếu có)
3	Các hoạt động hỗ trợ công tác xây dựng Thông tư	Tối đa 13		
3.1	Bộ trưởng	3	Thông tư được ký ban hành hoặc bút phê giao Thứ trưởng phụ trách ký ban hành Thông tư	
3.2	Thứ trưởng phụ trách	3	Bút phê cho phép trình Bộ trưởng ký ban hành hoặc Thông tư được ký ban hành (trường hợp Bộ trưởng ủy quyền Thứ trưởng phụ trách ký ban hành)	
3.3	Rà soát trình Lãnh đạo Bộ ký ban hành	0,5	Phiếu trình	
3.4	Phát hành Thông tư	0,5	Thông tư được đăng trên Công báo	

STT	Nhiệm vụ, hoạt động	Định mức	Sản phẩm, tài liệu phục vụ thanh quyết toán	Phương pháp tính ¹
3.5	Đăng tải hồ sơ dự thảo Thông tư để lấy ý kiến trên Cổng thông tin điện tử Bộ Xây dựng	0,5	Văn bản thông báo về kết quả đăng tải	Định mức này tính cho 01 hoặc nhiều lần đăng tải (không tính cho từng lần đăng tải)
3.6	Đăng tải báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý dự thảo Thông tư trên Cổng thông tin điện tử Bộ Xây dựng	0,5	Văn bản thông báo về việc đăng tải	Định mức này tính cho 01 hoặc nhiều lần đăng tải (không tính cho từng lần đăng tải)
3.7	Đăng tải truyền thông chính sách trên Cổng thông tin điện tử Bộ Xây dựng	0,5	Văn bản thông báo về việc đăng tải	Định mức này tính cho 01 hoặc nhiều lần đăng tải (không tính cho từng lần đăng tải)
3.8	Tổng hợp dự toán, báo cáo cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí xây dựng dự thảo Thông tư	1	Dự toán kinh phí	
3.9	Tổng hợp, giao dự toán kinh phí xây dựng dự thảo Thông tư	1	Quyết định giao dự toán ngân sách nhà nước	
3.10	Dự phòng cho các hoạt động hoàn thiện dự thảo Thông tư	2,5	Hóa đơn, chứng từ, hợp đồng (nếu có)	

Mục B. Thông tư liên tịch do Bộ Xây dựng chủ trì soạn thảo

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nhiệm vụ, hoạt động	Định mức	Sản phẩm, tài liệu phục vụ thanh quyết toán	Cách tính
I	Xây dựng, ban hành Thông tư ban hành mới hoặc thay thế	Tối đa 350		
1	Soạn thảo, hoàn thiện Thông tư	Tối đa 322		
1.1	Xây dựng hồ sơ dự thảo Thông tư, tổ chức soạn thảo Thông tư			

STT	Nhiệm vụ, hoạt động	Định mức	Sản phẩm, tài liệu phục vụ thanh quyết toán	Cách tính
*	<i>Cơ quan liên tịch</i>	Tối đa 93	Văn bản phối hợp	Trường hợp có từ 02 cơ quan liên tịch trở lên tham gia thì mức chi này được chia đều cho các cơ quan
*	<i>Đơn vị thuộc Bộ được phân công thực hiện nhiệm vụ, hoạt động xây dựng văn bản quy phạm pháp luật</i>	Tối đa 189		
1.1.1	Tổng kết thi hành hoặc đánh giá thực trạng quan hệ xã hội	Tối đa 20	Báo cáo tổng kết việc thi hành pháp luật, báo cáo đánh giá thực trạng quan hệ xã hội hoặc báo cáo kết quả điều tra, khảo sát thực tế, báo cáo kết quả hội thảo, hội nghị tổng kết thi hành, đánh giá thực trạng quan hệ xã hội	
1.1.2	Thuê chuyên gia, tổ chức tư vấn (nếu có)	Tối đa 10% tổng mức chi của điểm 1	Hợp đồng, báo cáo của chuyên gia, tổ chức tư vấn hoặc kết quả khác theo thỏa thuận tại hợp đồng	
1.1.3	Tham gia ý kiến dự thảo Thông tư (các đơn vị thuộc Bộ tham gia ý kiến)	Từ 1 - 5	Văn bản lấy ý kiến; văn bản tham gia ý kiến, danh sách cá nhân thụ hưởng gồm số căn cước hoặc số căn cước công dân và số tài khoản ngân hàng được đơn vị lập xác nhận	Định mức chi được tính theo từng lần lấy ý kiến bằng văn bản
1.1.4	Tổ chức họp		Giấy mời họp, danh sách họp có chữ ký của người tham gia họp được đơn vị lập ký xác nhận	

STT	Nhiệm vụ, hoạt động	Định mức	Sản phẩm, tài liệu phục vụ thanh quyết toán	Cách tính
1.1.5	Soạn thảo hồ sơ dự thảo Thông tư		Hợp đồng hoặc văn bản giao nhiệm vụ kèm theo Tờ trình, dự thảo Thông tư, các thành phần hồ sơ khác (nếu có)	
1.1.6	Rà soát, chỉnh lý, hoàn thiện hồ sơ dự thảo Thông tư	5	Hợp đồng hoặc văn bản giao nhiệm vụ kèm theo danh mục các văn bản được chỉnh lý	
1.1.7	Truyền thông dự thảo Thông tư	Từ 2 - 10	Hợp đồng hoặc văn bản giao nhiệm vụ; ấn phẩm truyền thông dạng in hoặc ấn phẩm truyền thông trên môi trường điện tử	
1.2	Lấy ý kiến cơ quan có thẩm quyền của Đảng			
1.2.1	Rà soát hồ sơ lấy ý kiến Ban Thường vụ Đảng ủy	1	Phiếu lấy ý kiến	Định mức tính cho 01 dự thảo Thông tư (không tính cho từng lần lấy ý kiến)
1.2.2	Thành viên Ban Thường vụ Đảng ủy cho ý kiến	3/01 thành viên	Thông báo kết luận, danh sách thành viên Ban Thường vụ Đảng ủy	Định mức tính cho 01 dự thảo Thông tư (không tính cho từng lần lấy ý kiến); không áp dụng định mức này cho các cá nhân đã được thanh toán tại điểm 2.1, 2.2 của Phần I Mục này
2	Các hoạt động hỗ trợ công tác xây dựng Thông tư liên tịch	Tối đa 28		
2.1	Bộ trưởng	7	Thông tư được ký ban hành hoặc bút phê giao Thứ trưởng phụ trách ký ban hành Thông tư	

STT	Nhiệm vụ, hoạt động	Định mức	Sản phẩm, tài liệu phục vụ thanh quyết toán	Cách tính
2.2	Thứ trưởng phụ trách	7	Bút phê cho phép trình Bộ trưởng ký ban hành hoặc Thông tư được ký ban hành (trường hợp Bộ trưởng ủy quyền Thứ trưởng phụ trách ký ban hành)	
2.3	Rà soát trình Lãnh đạo Bộ ký ban hành	1		
2.4	Phát hành Thông tư	1	Thông tư được đăng tải trên Công báo	
2.5	Đăng tải hồ sơ dự thảo Thông tư để lấy ý kiến trên Cổng thông tin điện tử Bộ Xây dựng	1	Văn bản thông báo về kết quả đăng tải	Định mức tính cho 01 dự thảo Thông tư (không tính cho từng lần đăng tải)
2.6	Đăng tải báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý dự thảo Thông tư trên Cổng thông tin điện tử Bộ Xây dựng	1	Văn bản thông báo về việc đăng tải	Định mức tính cho 01 dự thảo Thông tư (không tính cho từng lần đăng tải)
2.7	Đăng tải truyền thông chính sách trên Cổng thông tin điện tử Bộ Xây dựng	1	Văn bản thông báo về việc đăng tải	Định mức tính cho 01 dự thảo Thông tư (không tính cho từng lần đăng tải)
2.8	Tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí xây dựng Thông tư liên tịch	1	Dự toán kinh phí	
2.9	Tổng hợp, giao dự toán kinh phí xây dựng Thông tư	1	Quyết định giao dự toán ngân sách nhà nước	
2.10	Dự phòng cho các hoạt động hoàn thiện dự thảo Thông tư	7	Hóa đơn, chứng từ, hợp đồng (nếu có)	
II	Xây dựng, ban hành Thông tư liên tịch sửa đổi, bổ sung	Tối đa 210		
1	Soạn thảo, hoàn thiện dự thảo Thông tư	Tối đa 195		
1.1	Xây dựng hồ sơ dự thảo Thông tư, tổ chức soạn thảo Thông tư			

STT	Nhiệm vụ, hoạt động	Định mức	Sản phẩm, tài liệu phục vụ thanh quyết toán	Cách tính
*	<i>Cơ quan liên tịch</i>	Tối đa 48	Văn bản phối hợp	Trường hợp có từ 02 cơ quan liên tịch trở lên tham gia thì mức chi này được chia đều cho các cơ quan
*	<i>Đơn vị thuộc Bộ được phân công thực hiện nhiệm vụ, hoạt động xây dựng văn bản quy phạm pháp luật</i>	Tối đa 122		
1.1.1	Tổng kết thi hành hoặc đánh giá thực trạng quan hệ xã hội	Tối đa 20	Báo cáo tổng kết việc thi hành pháp luật, báo cáo đánh giá thực trạng quan hệ xã hội hoặc báo cáo kết quả điều tra, khảo sát thực tế, báo cáo kết quả hội thảo, hội nghị tổng kết thi hành, đánh giá thực trạng quan hệ xã hội	
1.1.2	Thuê chuyên gia, tổ chức tư vấn (nếu có)	Tối đa 10% tổng mức chi của điểm 1	Hợp đồng, báo cáo của chuyên gia, tổ chức tư vấn hoặc kết quả khác theo thỏa thuận tại hợp đồng	
1.1.3	Tham gia ý kiến dự thảo Thông tư (các đơn vị thuộc Bộ tham gia ý kiến)	Từ 1- 3	Văn bản lấy ý kiến; văn bản tham gia ý kiến, danh sách cá nhân thụ hưởng gồm số căn cước hoặc số căn cước công dân và số tài khoản ngân hàng được đơn vị lập xác nhận	Định mức chi được tính theo từng lần lấy ý kiến bằng văn bản
1.1.4	Tổ chức họp		Giấy mời họp, danh sách họp có chữ ký của người tham gia họp được đơn vị lập ký xác nhận	

STT	Nhiệm vụ, hoạt động	Định mức	Sản phẩm, tài liệu phục vụ thanh quyết toán	Cách tính
1.1.5	Soạn thảo hồ sơ dự thảo Thông tư		Hợp đồng hoặc văn bản giao nhiệm vụ kèm theo Tờ trình, dự thảo Thông tư, các thành phần hồ sơ khác (nếu có)	
1.1.6	Rà soát, chỉnh lý, hoàn thiện hồ sơ dự thảo Thông tư	Từ 1 - 5	Hợp đồng hoặc văn bản giao nhiệm vụ kèm theo danh mục các văn bản được chỉnh lý	
1.1.7	Truyền thông dự thảo Thông tư	Từ 2 - 10	Hợp đồng hoặc văn bản giao nhiệm vụ; ấn phẩm truyền thông dạng in hoặc ấn phẩm truyền thông trên môi trường điện tử	
1.2	Lấy ý kiến cơ quan có thẩm quyền của Đảng	Tối đa 25		
1.2.1	Rà soát hồ sơ lấy ý kiến Ban Thường vụ Đảng ủy	0,5	Phiếu lấy ý kiến	Định mức tính cho 01 dự thảo Thông tư (không tính cho từng lần lấy ý kiến)
1.2.2	Thành viên Ban Thường vụ Đảng ủy cho ý kiến	2/01 thành viên	Thông báo kết luận, danh sách thành viên Ban Thường vụ Đảng ủy	Định mức tính cho 01 dự thảo Thông tư (không tính cho từng lần lấy ý kiến); không áp dụng định mức này cho các cá nhân đã được thanh toán tại điểm 2.1, 2.2 của Phần II Mục này
2	Các hoạt động hỗ trợ công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật	Tối đa 15		
2.1	Bộ trưởng	5	Thông tư được ký ban hành hoặc bút phê giao Thứ trưởng phụ trách ký ban hành Thông tư	

STT	Nhiệm vụ, hoạt động	Định mức	Sản phẩm, tài liệu phục vụ thanh quyết toán	Cách tính
2.2	Thứ trưởng phụ trách	5	Bút phê cho phép trình Bộ trưởng ký ban hành hoặc Thông tư được ký ban hành (trường hợp Bộ trưởng ủy quyền Thứ trưởng phụ trách ký ban hành)	
2.3	Rà soát trình Lãnh đạo Bộ ký ban hành	1	Phiếu trình	
2.4	Phát hành Thông tư	0,5	Thông tư được đăng tải trên Công báo	
2.5	Đăng tải hồ sơ dự thảo Thông tư để lấy ý kiến trên Cổng thông tin điện tử Bộ Xây dựng	0,5	Văn bản thông báo về kết quả đăng tải	Định mức tính cho 01 dự thảo Thông tư (không tính cho từng lần đăng tải)
2.6	Đăng tải báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý dự thảo Thông tư trên Cổng thông tin điện tử Bộ Xây dựng	0,5	Văn bản thông báo về việc đăng tải	Định mức tính cho 01 dự thảo Thông tư (không tính cho từng lần đăng tải)
2.7	Đăng tải truyền thông chính sách trên Cổng thông tin điện tử Bộ Xây dựng	0,5	Văn bản thông báo về việc đăng tải	Định mức tính cho 01 dự thảo Thông tư (không tính cho từng lần đăng tải)
2.8	Tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí xây dựng Thông tư	0,5	Dự toán kinh phí	
2.9	Tổng hợp, giao dự toán kinh phí xây dựng Thông tư	0,5	Quyết định giao dự toán ngân sách nhà nước	
2.10	Dự phòng cho các hoạt động hoàn thiện dự thảo Thông tư	1	Hóa đơn, chứng từ, hợp đồng (nếu có)	